BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2010/TT-BTTTT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2010*

THÔNG TƯ

Ban hành định mức áp dụng tạm thời về hao phí lao động, hao phí thiết bị trong sản xuất các chương trình truyền hình

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức tạm thời về hao phí lao động, hao phí về thiết bị trong sản xuất chương trình truyền hình.

Điều 2. Định mức tạm thời ban hành tại Thông tư này được áp dụng trong quản lý dịch vụ truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ giai đoạn 2010 - 2012.

Điều 3. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2011./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Đức Lai

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

ĐỊNH MỨC ÁP DỤNG TẠM THỜI VỀ HAO PHÍ LAO ĐỘNG, HAO PHÍ THIẾT BỊ TRONG SẢN XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Phụ lục 1

ĐỊNH MỨC HAO PHÍ LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2010/TT-BTTTT ngày 31/12/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
I	**BÁO CHÍ**		
1	**Phổ biến kiến thức 30' máy lẻ loại 1**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,29
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT máy lưu động		3,00
	KT Tquay		1,31
2	**Phổ biến kiến thức 30' xe màu loại 1**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,14
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất		5,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		0,58
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		7,50
3	**Phổ biến kiến thức 30' máy lẻ loại 2**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,29
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		4,70
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT máy lưu động		2,00
	KT Tquay		1,31
4	**Phổ biến kiến thức 30' loại 2 TQ lớn**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,29
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim trường quay		1,50
	Tổ chức sản xuất		4,70
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT máy lưu động		2,00
	KT Tquay		3,00
5	**Phổ biến kiến thức (15 - 20') máy lẻ**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,75
	Đạo diễn chương trình		1,50
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Tổ chức sản xuất		3,50
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		1,00
	KT máy lưu động		1,00
6	**Phóng sự đồng hành 7 - 10' loại 1**	**7'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,71
	Biên tập máy lẻ		1,50
	Quay phim máy lẻ		1,50
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến		1,00
	KT máy lưu động		1,50
7	**Phóng sự đồng hành 7 - 10' loại 2**	**7'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,95

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập máy lẻ		1,50
	Quay phim máy lẻ		1,50
	Tổ chức sản xuất		0,70
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến		1,00
	KT máy lưu động		1,50
8	**Phóng sự nhân vật buổi sáng 8'**	**8'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,12
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Tổ chức sản xuất		0,46
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,07
	KT dựng phi tuyến tính		0,50
	KT máy lưu động		1,00
9	**Phóng sự chính luận 10' loại 1**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,14
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến tính		1,00
	KT máy lưu động		4,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
10	**Phóng sự chính luận 10' loại 2**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,64
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Tổ chức sản xuất		1,80
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến tính		0,50
	KT máy lưu động		2,00
11	**Phóng sự chính luận 15' loại 1**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,78
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến tính		1,00
	KT hòa âm		0,14
	KT máy lưu động		4,00
12	**Phóng sự chính luận 15' có TQ nhỏ**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,69
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		0,29

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến tính		1,00
	KT máy lưu động		4,00
	KT T quay nhỏ		1,31
13	**Phóng sự điều tra 15'**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,20
	Biên tập máy lẻ		7,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Quay phim máy lẻ		7,00
	Tổ chức sản xuất		2,50
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến tính		1,00
	KT hòa âm		0,14
	KT máy lưu động		7,00
14	**Phóng sự điều tra 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,29
	Biên tập máy lẻ		8,00
	Đạo diễn chương trình		8,00
	Quay phim máy lẻ		8,00
	Tổ chức sản xuất		7,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng phi tuyến		1,00
	KT dựng tuyến tính		2,00
	KT máy lưu động		8,00
15	**Phóng sự tài liệu loại 1 (15P)**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,02
	Biên tập máy lẻ		5,50
	Đạo diễn chương trình		5,50
	Quay phim máy lẻ		5,50
	Tổ chức sản xuất		5,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,15
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		5,50
16	**Phóng sự tài liệu loại 2 (15P)**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,42
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Đạo diễn chương trình		5,24
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Tổ chức sản xuất		4,12
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,15
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật hòa âm		0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		5,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
17	**Phóng sự tài liệu loại 1 (20P)**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,30
	Biên tập máy lẻ		6,00
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Quay phim máy lẻ		6,00
	Tổ chức sản xuất		4,52
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,21
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,50
	Kỹ thuật hòa âm		0,21
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
18	**Phóng sự tài liệu loại 2 (20P)**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,24
	Biên tập máy lẻ		5,50
	Đạo diễn chương trình		5,50
	Quay phim máy lẻ		5,50
	Tổ chức sản xuất		4,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,15
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật hòa âm		0,15
	Kỹ thuật máy lưu động		5,50
19	**Phóng sự tài liệu loại 1 (30P)**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		12,36
	Biên tập máy lẻ		7,00
	Đạo diễn chương trình		7,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim máy lẻ		7,00
	Tổ chức sản xuất		7,48
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,21
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		3,50
	Kỹ thuật hòa âm		0,21
	Kỹ thuật máy lưu động		7,00
20	**Phóng sự tài liệu loại 2 (30P)**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		11,03
	Biên tập máy lẻ		6,00
	Đạo diễn chương trình		6,75
	Quay phim máy lẻ		6,00
	Tổ chức sản xuất		6,42
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,21
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		3,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,21
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
21	**Phim tài liệu chính luận 20' loại 1**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		11,58
	Biên tập máy lẻ		8,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		8,00
	Quay phim máy lẻ		8,00
	Tổ chức sản xuất		8,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		8,00
22	**Phim tài liệu chính luận 20' loại 2**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10,08
	Biên tập máy lẻ		6,50
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		6,50
	Quay phim máy lẻ		6,50
	Tổ chức sản xuất		6,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		2,50
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		6,50
23	**Phim tài liệu chính luận 30' loại 1**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		13,08
	Biên tập máy lẻ		14,00
	Chủ nhiệm		6,00
	Đạo diễn chương trình		14,00
	Quay phim máy lẻ		14,00
	Tổ chức sản xuất		16,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		6,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		14,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
24	**Phim tài liệu chính luận 30' loại 2**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		12,64
	Biên tập máy lẻ		12,00
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		12,76
	Quay phim máy lẻ		12,00
	Tổ chức sản xuất		13,10
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		5,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		12,00
25	**Phim tài liệu chính luận 50' loại 1**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		22,76
	Biên tập máy lẻ		20,00
	Chủ nhiệm		9,08
	Đạo diễn chương trình		25,00
	Quay phim máy lẻ		20,00
	Tổ chức sản xuất		22,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,38
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		8,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,38
	Kỹ thuật máy lưu động		20,00
26	**Phim tài liệu chính luận 50' loại 2**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		17,81

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập máy lẻ		17,00
	Chủ nhiệm		6,00
	Đạo diễn chương trình		17,00
	Quay phim máy lẻ		17,00
	Tổ chức sản xuất		17,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		6,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,30
	Kỹ thuật máy lưu động		17,00
27	**Phim tài liệu khoa học 45'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		13,08
	Biên tập máy lẻ		13,00
	Chủ nhiệm		4,00
	Đạo diễn chương trình		14,00
	Quay phim máy lẻ		13,00
	Tổ chức sản xuất		7,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		3,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		13,00
28	**Phim tài liệu khoa học loại 1 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		9,72
	Biên tập máy lẻ		8,00
	Chủ nhiệm		3,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn chương trình		8,00
	Quay phim máy lẻ		8,00
	Tổ chức sản xuất		5,55
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,43
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		4,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		8,00
29	**Phim tài liệu khoa học loại 2 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,72
	Biên tập máy lẻ		6,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Quay phim máy lẻ		6,00
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,43
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
30	**Phim tài liệu nghệ thuật 20' loại 1**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,79
	Biên tập máy lẻ		6,00
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Quay phim máy lẻ		6,00
	Tổ chức sản xuất		5,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
31	**Phim tài liệu nghệ thuật 20' loại 2**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,79
	Biên tập máy lẻ		5,50
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Quay phim máy lẻ		5,50
	Tổ chức sản xuất		3,80
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,50
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		2,50
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		5,50
32	**Phim tài liệu nghệ thuật 30' loại 1**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10,05
	Biên tập máy lẻ		8,00
	Chủ nhiệm		4,00
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Quay phim máy lẻ		8,00
	Tổ chức sản xuất		6,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		4,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		8,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
33	**Phim tài liệu nghệ thuật 30' loại 2**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,58
	Biên tập máy lẻ		6,50
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Quay phim máy lẻ		6,50
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		6,50
34	**Tạp chí CĐ trực tiếp 15' loại 1**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,97
	Biên dịch		0,50
	Biên tập máy lẻ		2,50
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		0,40
	Quay phim máy lẻ		2,50
	Quay phim trường quay		0,34
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		0,40
	Trợ lý trường quay		0,40
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,17
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật máy lưu động		2,50
	Kỹ thuật trường quay		1,11
35	**Tạp chí CĐ trực tiếp 30' loại 1**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		11,84
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Quay phim trường quay		0,34
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý trường quay		0,34
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		5,00
	Kỹ thuật trường quay		0,94
36	**Tạp chí CĐ trực tiếp 30' loại 2**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		9,25
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		4,17
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim trường quay		0,66
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		5,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		0,66

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		2,00
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,25
	Kỹ thuật trường quay		1,98
37	**Tạp chí thể thao (15P)**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,14
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		0,08
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		0,16
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		0,16
	Trợ lý đạo diễn		0,15
	Trợ lý trường quay		0,08
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật Máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		0,44
38	**Tạp chí thể thao (30P)**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,72
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Tổ chức sản xuất		1,07
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,42
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
39	**Trả lời khán giả truyền hình 15'**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,14
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Tổ chức sản xuất		2,69
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật TQ		
40	**Trả lời thư khán giả theo từng khu vực**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,14
	Biên tập máy lẻ		0,50
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim máy lẻ		0,50
	Quay phim trường quay		0,14
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý trường quay		0,14
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		0,40
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		0,77

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
41	**Tạp chí thiếu nhi trường quay 20'**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,14
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		2,50
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		0,50
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Trợ lý trường quay		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật cẩu		1,00
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay		3,00
42	**Tạp chí TTN máy lẻ 20' loại 1**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,14
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		2,50
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật cẩu		1,00
	Kỹ thuật đọc		0,14

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
43	**Khách mời trường quay**	**8'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,50
	Đạo diễn chương trình		0,30
	Đạo diễn hình		0,30
	Quay phim trường quay		0,40
	Tổ chức sản xuất		0,50
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý trường quay		0,20
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		0,30
	Kỹ thuật trường quay trực tiếp		1,10
44	**Tạp chí ca nhạc 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,00
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		2,50
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim trường quay		1,00
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý trường quay		1,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật trường quay ảo (T.tiếp)		3,25

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
45	**Tạp chí tổng hợp 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,78
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Tổ chức sản xuất		3,25
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		1,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		3,00
46	**Tạp chí thời trang 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,72
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Tổ chức sản xuất		1,07
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,42
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
47	**Tạp chí khoa giáo loại 1 máy lẻ 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,29
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
	Kỹ thuật trường quay		1,31
48	**Tạp chí khoa giáo loại 2 máy lẻ 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,29
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,29
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
	Kỹ thuật trường quay		1,31
49	**Tạp chí nghệ thuật loại 1 - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,01

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập máy lẻ		4,50
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		5,50
	Quay phim máy lẻ		4,50
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		3,00
	Kỹ thuật máy lưu động		9,00
50	**Tạp chí nghệ thuật loại 2 - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,08
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		3,44
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý trường quay		0,29
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
	Kỹ thuật trường quay		1,31
	Kỹ thuật thu thanh		4,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
51	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 1 TQ lớn**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,12
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Chủ nhiệm		1,60
	Đạo diễn chương trình		6,50
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Quay phim trường quay		1,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Trợ lý trường quay		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		2,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		5,00
	Kỹ thuật trường quay ảo		3,25
52	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 2 TQ lớn**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,08
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Chủ nhiệm		1,50
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Đạo diễn hình		0,25
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Quay phim xe màu		0,75

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,13
	Trợ lý trường quay		0,13
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		1,88
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		5,00
53	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 1 máy lẻ**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,53
	Biên tập máy lẻ		7,00
	Đạo diễn chương trình		7,00
	Quay phim máy lẻ		7,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		7,00
54	**Tạp chí chuyên đề 30' loại 2 máy lẻ**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,70
	Biên tập máy lẻ		6,00
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Đạo diễn hình		0,29
	Quay phim máy lẻ		6,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý trường quay		0,58
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
	Kỹ thuật trường quay		0,29
55	**Khoán chi trang Web/tháng**	**1 th**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		187,50
	Tổ chức sản xuất		7,00
56	**Giao lưu trực tuyến trang web/cuộc**	**1 cuộc**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,50
II	**BẢN TIN**		
57	**Chào buổi sáng**	**70'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,59
	Biên tập dẫn		2,00
	Biên tập máy lẻ		3,70
	Đạo diễn chương trình		1,12
	Đạo diễn hình		1,72
	Quay phim máy lẻ		3,70
	Quay phim trường quay		1,05
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		2,58
	Trợ lý đạo diễn		0,29
	Trợ lý trường quay		1,72

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,29
	Kỹ thuật đọc		0,60
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		0,57
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		3,43
	Kỹ thuật máy lưu động		3,70
	Ký thuật TQ ảo T.tiếp		2,28
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		1,93
58	**Bản tin 9h**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,52
	Biên tập dẫn		0,33
	Biên tập máy lẻ		0,50
	Đạo diễn chương trình		0,20
	Đạo diễn hình		0,20
	Quay phim máy lẻ		0,50
	Quay phim trường quay		0,15
	Tổ chức sản xuất		1,80
	Trợ lý biên tập		0,16
	Trợ lý đạo diễn		0,20
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,14
	Kỹ thuật đọc		0,10
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,50
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		0,83
	Kỹ thuật máy lưu động		0,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
59	**Bản tin 12h**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,87
	Biên tập dẫn		0,77
	Biên tập máy lẻ		1,95
	Đạo diễn chương trình		0,10
	Đạo diễn hình		0,10
	Quay phim máy lẻ		1,95
	Quay phim trường quay		0,07
	Tổ chức sản xuất		1,50
	Trợ lý biên tập		0,15
	Trợ lý đạo diễn		0,17
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,14
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,21
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		0,39
	Kỹ thuật máy lưu động		1,95
60	**Bản tin 16h**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,49
	Biên tập dẫn		0,33
	Đạo diễn chương trình		0,10
	Đạo diễn hình		0,15
	Quay phim trường quay		0,15
	Tổ chức sản xuất		1,08
	Trợ lý biên tập		0,15
	Trợ lý đạo diễn		0,15

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,50
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		0,83
61	**Bản tin 19h - 37'(*)**	**37'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,22
	Biên tập dẫn		1,00
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Đạo diễn chương trình		0,30
	Đạo diễn hình		0,31
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Quay phim trường quay		0,66
	Tổ chức sản xuất		3,35
	Trợ lý biên tập		0,20
	Trợ lý đạo diễn		0,20
	Trợ lý trường quay		0,20
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,50
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		1,82
	Kỹ thuật máy lưu động		5,00
62	**Bản tin nhanh**	**5'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,27
	Tổ chức sản xuất		0,24
	Trợ lý biên tập		0,26

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,45
	Kỹ thuật đọc		#REF!
63	**Bản tin thời tiết 19h**	**5'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,50
	Đạo diễn chương trình		#REF!
	Đạo diễn hình		0,30
	Quay phim trường quay		0,58
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý đạo diễn		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		0,50
	Kỹ thuật TQ ảo T.tiếp		1,89
64	**Bản tin cuối ngày**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,50
	Biên tập dẫn		1,00
	Biên tập máy lẻ		1,70
	Đạo diễn chương trình		0,30
	Đạo diễn hình		0,34
	Quay phim máy lẻ		1,70
	Quay phim trường quay		0,33
	Tổ chức sản xuất		2,20
	Trợ lý biên tập		0,30
	Trợ lý đạo diễn		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Newsroom		0,29
	Kỹ thuật đọc		0,19

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật trường quay T.tiếp		1,82
	Kỹ thuật máy lưu động		1,70
65	**Bản tin thể thao 24/7**	**5'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,95
	Biên tập máy lẻ		1,50
	Đạo diễn chương trình		0,50
	Đạo diễn hình		0,33
	Quay phim máy lẻ		1,50
	Quay phim trường quay		0,42
	Tổ chức sản xuất		0,56
	Trợ lý biên tập		0,35
	Trợ lý đạo diễn		0,33
	Trợ lý trường quay		0,10
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,57
	Kỹ thuật máy lưu động		1,50
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		1,37
66	**Bản tin thị trường - 10'**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,17
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Đạo diễn chương trình		1,40
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim trường quay		0,30
	Tổ chức sản xuất		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		0,33
	Trợ lý trường quay		0,66
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,17
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		1,95
67	**Bản tin thị trường - 10' PHSX**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,36
	Biên tập máy lẻ		0,20
	Đạo diễn chương trình		0,70
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		0,20
	Quay phim trường quay		0,30
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,66
	Trợ lý trường quay		0,66
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		0,20
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		1,95
68	**Bản tin khiếm thính**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,42

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Tổ chức sản xuất		0,52
	Trợ lý biên tập		0,24
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,30
69	**Bản tin ATGT cuối tuần**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,64
	Biên tập dẫn		1,00
	Biên tập máy lẻ		1,50
	Đạo diễn chương trình		0,50
	Đạo diễn hình		0,19
	Quay phim máy lẻ		1,50
	Quay phim trường quay		0,42
	Tổ chức sản xuất		2,72
	Trợ lý biên tập		0,40
	Trợ lý đạo diễn		0,25
	Trợ lý trường quay		0,20
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		1,37
70	**Bản tin thể thao - 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,56
	Biên dịch		1,20
	Biên tập dẫn		0,77
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Đạo diễn chương trình		0,33

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn hình		0,34
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Quay phim trường quay		0,66
	Tổ chức sản xuất		1,05
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,30
	Trợ lý trường quay		0,34
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,42
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
	Kỹ thuật trường quay ảo trực tiếp		2,15
71	**Bản tin 10' - update**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,48
	Biên tập dẫn		0,33
	Đạo diễn chương trình		0,10
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim trường quay		0,14
	Tổ chức sản xuất		0,10
	Trợ lý trường quay		0,13
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,14
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		0,77
72	**Bản tin ngoại ngữ 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,45

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập dẫn		0,77
	Biên tập máy lẻ		0,85
	Đạo diễn chương trình		0,50
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim máy lẻ		0,85
	Quay phim trường quay		0,21
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,30
	Trợ lý trường quay		0,14
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật tuyến tính		0,80
	Kỹ thuật máy lưu động		0,85
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		1,16
73	**Bản tin tiếng Việt 30' tổng hợp**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,34
	Biên tập dẫn		0,77
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Đạo diễn chương trình		0,30
	Đạo diễn hình		0,21
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim trường quay		0,22
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý biên tập		0,35
	Trợ lý đạo diễn		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật tuyến tính		0,70
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật trường quay (trực tiếp)		1,16
74	**Bản tin thời sự tiếng dân tộc 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,80
	Biên dịch		4,00
	Biên tập dẫn		0,33
	Đạo diễn hình		0,23
	Quay phim trường quay		0,21
	Tổ chức sản xuất		0,50
	Trợ lý biên tập		0,18
	Trợ lý trường quay		0,23
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật tuyến tính		0,50
	Kỹ thuật trường quay		0,63
75	**Tiêu điểm - 10'**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,14
	Đạo diễn chương trình		0,38
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim trường quay		0,29
	Tổ chức sản xuất		0,45
	Trợ lý biên tập		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật tuyến tính		0,50
	Kỹ thuật trường quay		1,31

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
76	**Khoán bản tin thời tiết các kênh/ngày**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,69
	Tổ chức sản xuất		0,50
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến ĐS		0,50
77	**Tin thời sự**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,16
	Biên tập máy lẻ		0,40
	Quay phim máy lẻ		0,40
	Tổ chức sản xuất		0,18
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,04
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,14
	Kỹ thuật máy lưu động		0,40
78	**Phóng sự thời sự 2'**	**2'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,54
	Biên tập máy lẻ		0,90
	Quay phim máy lẻ		0,90
	Tổ chức sản xuất		0,32
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,40

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
III	**BIÊN TẬP CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG**		
79	**Giới thiệu c/trình đặc sắc loại 1**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,10
	Tổ chức sản xuất		0,40
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,50
80	**Giới thiệu c/trình đặc sắc loại 2**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,77
	Tổ chức sản xuất		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,20
81	**Giới thiệu c,trình tuần**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,20
	Tổ chức sản xuất		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,50
82	**Giới thiệu chương trình tuần, tháng**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,37
	Tổ chức sản xuất		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
83	**Giới thiệu chương trình ngày KV**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,80
	Tổ chức sản xuất		0,20
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		0,50
84	**Giới thiệu chương trình tuần khu vực**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,35
	Tổ chức sản xuất		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		1,00
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		0,50
85	**Cổ động**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,77
	Tổ chức sản xuất		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,20
86	**Cổ động đặc sắc**	**1'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,07
	Tổ chức sản xuất		0,38
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
87	**Đệm tư liệu**	**4'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,77
	Tổ chức sản xuất		0,30
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng phi tuyến ĐS		1,20
88	**Đệm sản xuất**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,14
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Tổ chức sản xuất		0,56
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật âm thanh		0,14
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,50
89	**Thông tin chuyên biệt**	**3'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,90
	Tổ chức sản xuất		0,20
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến ĐS		1,50
	Kỹ thuật đọc		0,14
90	**Trực móc nối PS sóng ca ngày đa nguồn tín hiệu**	**360'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,31
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Tổ chức sản xuất		0,12

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Thư ký phát sóng		0,55
	Trợ lý biên tập		0,04
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,19
	Kỹ thuật phát sóng CT		1,00
	Kỹ thuật Tổng khống chế		0,42
91	**Trực móc nối PS sóng ca ngày đơn nguồn tín hiệu**	**360'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,31
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Tổ chức sản xuất		0,10
	Thư ký phát sóng		0,60
	Trợ lý biên tập		0,04
	Trợ lý đạo diễn		0,15
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,19
	Kỹ thuật phát sóng CT		1,00
	Kỹ thuật Tổng khống chế		0,42
92	**Trực móc nối PS ca đêm đơn nguồn tín hiệu**	**360'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,41
	Đạo diễn chương trình		1,30
	Tổ chức sản xuất		0,12
	Thư ký phát sóng		0,55
	Trợ lý biên tập		0,04
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,19

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật phát sóng CT		1,00
	Kỹ thuật Tổng khống chế		0,42
93	**Trực móc nối PS ca đêm đa nguồn tín hiệu**	**360'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,41
	Biên tập dẫn		0,42
	Đạo diễn chương trình		1,30
	Quay phim chương trình		0,21
	Tổ chức sản xuất		0,10
	Thư ký phát sóng		0,36
	Trợ lý biên tập		0,17
	Trợ lý đạo diễn		0,15
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,19
	Kỹ thuật phát sóng CT		1,00
	Kỹ thuật Tổng khống chế		0,42
	Kỹ thuật trường quay trực tiếp		1,16
IV	**GIAO LƯU**		
94	**Bình luận thể thao trực tiếp**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,24
	Biên dịch		0,50
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Đạo diễn chương trình		3,14
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim trường quay		0,87
	Tổ chức sản xuất		3,19

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,50
	Kỹ thuật máy lưu động		3,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		2,32
95	**Bình luận trước sau trận đấu**	**15'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,96
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Đạo diễn chương trình		2,14
	Đạo diễn hình		0,14
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		0,87
	Tổ chức sản xuất		0,91
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,30
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		2,32
96	**Tọa đàm Trường quay loại 1 (30')**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,74
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		1,50
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		1,00
	Tổ chức sản xuất		3,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		3,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,07
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
97	**Tọa đàm Trường quay loại 2 (30')**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,59
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		2,84
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		1,50
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý trường quay		1,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật hòa âm		0,29
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay (AT, ĐH, PC, VTR)		3,00
98	**Tọa đàm ngoại cảnh (30')**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,82
	Biên tập máy lẻ		3,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		3,00
99	**Tọa đàm Trường quay L1 (45' - 60')**	**40'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,27
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		1,50
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		1,50
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		3,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
100	**Tọa đàm Trường quay L2 (45' - 60')**	**40'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,26
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		1,20
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		1,20
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		3,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
101	**Giao lưu khán giả Tquay 40' - 60' L1**	**40'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,16
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim xe màu		3,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý đạo diễn		3,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		7,50
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
102	**Giao lưu khán giả Tquay 40' - 60' xe màu NC**	**40'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,55
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		3,50
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim xe màu		3,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,29
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		2,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		7,50
	Kỹ thuật máy lưu động		3,00
103	**Giao lưu chính luận Tquay 45' - 60'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,69

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,01
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng		1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
104	**Giao lưu văn nghệ L1 - TQ có thu thanh 45' - 60'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10,32
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		5,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		4,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật thu thanh		18,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
105	**Giao lưu văn nghệ L1 - TQ 45' - 60'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,33
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		4,04
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng Ptuyến		0,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
106	**Giao lưu văn nghệ L2 - TQ 45' - 60'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,62
	Biên tập máy lẻ		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		3,50
	Trợ lý biên tập		1,50
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		1,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Ptuyến		2,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		4,00
	Kỹ thuật máy lưu động		6,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
107	**Giao lưu văn nghệ xe màu 45' - 60'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,58
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất nội dung		4,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến		0,14
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		0,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
108	**Giao lưu gặp gỡ TH 90' - 120' xe màu**	**90'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,28
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất nội dung		7,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		7,50
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
109	**Phối hợp sản xuất giao lưu tại TQ**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,75
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim trường quay		6,00
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý đạo diễn		2,50
	Kỹ thuật		
	KT trường quay		9,00
110	**Truyền hình thực tế - Giao lưu TQ L1**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		14,75

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		7,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT máy lưu động		2,00
	KT Tquay		6,00
111	**Truyền hình thực tế - Giao lưu TQ L2**	**50'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,83
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		4,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT máy lưu động		2,00
	KT Tquay		6,00
112	**Truyền hình thực tế L1 - Ngoại cảnh**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		17,30
	Biên tập máy lẻ		15,00
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		21,00
	Quay phim trường quay		1,50
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		10,00
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Trợ lý trường quay		0,50
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng tuyến tính		3,00
	KT máy lưu động		20,00
	KT Tquay		3,00
113	**Truyền hình thực tế L2 - Ngoại cảnh**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,30

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Biên tập máy lẻ		13,00
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		13,60
	Quay phim trường quay		1,50
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		6,00
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Trợ lý trường quay		0,50
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng tuyến tính		3,00
	KT máy lưu động		12,00
	KT máy LĐ VN		2,00
	KT Tquay		3,00
114	**Giao lưu trực tuyến KG 60' - 90' L1**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,01
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		1,50
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,29
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT máy lưu động		2,00
	KT Tquay chủ cầu		4,00
115	**Giao lưu trực tuyến KG 60' - 90' L2**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,00
	Chủ nhiệm		4,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim trường quay		3,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		1,00
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT Tquay		6,00
116	**Giao lưu chính luận TT 45' - 60' TQ**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,69
	Biên tập máy lẻ		4,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim máy lẻ		4,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		5,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		4,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
117	**Giao lưu chính luận TT 120' TQ**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10,73
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Chủ nhiệm		3,50
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Đạo diễn hình		2,50
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		4,20
	Trợ lý biên tập		3,00
	Trợ lý đạo diễn		3,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		1,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		5,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
118	**Giao lưu trực tiếp ca nhạc 120' L1**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,98
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		8,00
	Đạo diễn hình		4,00
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim xe màu		12,00
	Tổ chức sản xuất nội dung		12,00
	Trợ lý biên tập		3,00
	Trợ lý đạo diễn		4,00
	Trợ lý trường quay		4,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến		4,00
	Kỹ thuật máy lưu động VN		6,00
	Kỹ thuât trực tiếp 6 cam		38,00
119	**Giao lưu trực tiếp ca nhạc 120' L2**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,53
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,50
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Đạo diễn hình		3,50
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim xe màu		12,00
	Tổ chức sản xuất nội dung		11,00
	Trợ lý biên tập		3,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý đạo diễn		4,00
	Trợ lý trường quay		4,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		2,00
	Kỹ thuật máy lưu động VN		4,00
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		38,00
120	**Giao lưu TT ca nhạc 120' (p,hợp SX)**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,64
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim xe màu		12,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14
	KT dựng phi tuyến		0,50
	KT ghi hình 6 cam		23,00
	KT máy lưu động VN		2,00
121	**Giao lưu thể thao TT 45' - 60'**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,03
	Biên tập máy lẻ		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		8,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất nội dung		5,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,15
	Kỹ thuật dựng Phi tuyến		0,50
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật âm thanh		6,00
	Ánh sáng hiệu quả		
122	**Cuộc thi ca nhạc trường quay**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		9,62
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất		4,50
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý hiện trường		3,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		1,50
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT máy lưu động		2,00
	KT Tquay		6,00
123	**Đố vui trên truyền hình**	**4'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,00
	Chủ nhiệm		0,20
	Đạo diễn chương trình		0,50
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim xe màu		0,80
	Tổ chức sản xuất		0,50
	Trợ lý biên tập		0,20
	Trợ lý đạo diễn		0,20
	Trợ lý trường quay		0,60
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,50
	KT ghi hình 3 - 4 cam		1,50
124	**Cuộc thi ca nhạc xe màu**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		9,62
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất		4,50
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		1,50
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		7,50
	KT máy lưu động		2,00
125	**Giao lưu văn nghệ TT 120' NC**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,14
	Biên tập máy lẻ		5,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		7,00
	Đạo diễn hình		3,00
	Quay phim máy lẻ		5,00
	Quay phim xe màu		12,00
	Tổ chức sản xuất		7,00
	Trợ lý biên tập		4,00
	Trợ lý hiện trường		4,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		1,50
	KT dựng tuyến tính		1,50
	KT máy lưu động		5,00
	KT trực tiếp 6 cam		38,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
126	**Cuộc thi ca nhạc trực tiếp 120'**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		12,09
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		6,00
	Đạo diễn hình		3,01
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim xe màu		5,00
	Tổ chức sản xuất		7,70
	Trợ lý biên tập		3,00
	Trợ lý đạo diễn		6,00
	Trợ lý trường quay		6,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		3,00
	KT máy lưu động		3,00
	KT trực tiếp 6 cam		38,00
V	**TRÒ CHƠI**		
127	**Trò chơi TH loại 1 30 - 40'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,88
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		1,60
	Đạo diễn hình		1,50
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		1,50
	KT Qquay		6,00
128	**Trò chơi TH loại 2 30' - 40'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,90
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		1,60
	Đạo diễn hình		1,30
	Quay phim trường quay		4,00
	Tổ chức sản xuất		3,50
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		1,50
	TK Tquay		6,00
129	**Trò chơi TH loại 1 (45' - 60') TQ**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10,04
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim trường quay		6,00
	Tổ chức sản xuất		5,60
	Trợ lý biên tập		4,00
	Trợ lý đạo diễn		1,50
	Trợ lý trường quay		4,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		3,00
	Kỹ thuật trường quay		9,00
130	**Trò chơi TH loại 1 45' - 60' xe màu**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		10,40
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		5,60
	Trợ lý biên tập		4,00
	Trợ lý đạo diễn		1,50
	Trợ lý trường quay		4,50
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		3,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		11,25
131	**Trò chơi TH loại 2 (45' - 60') TQ**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,68
	Chủ nhiệm		4,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim trường quay		6,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		2,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng phi tuyến		2,00
	Kỹ thuật ghi hình 3 - 4 cam		11,25
132	**Trò chơi TH loại 2 45' - 60' xe màu**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		7,68
	Chủ nhiệm		4,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,00
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		4,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		11,25
133	**Trò chơi truyền hình đặc biệt loại 2 (45' - 60')**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		8,07
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim xe màu		9,00
	Tổ chức sản xuất		8,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		5,00
	Trợ lý đạo diễn		1,50
	Trợ lý trường quay		6,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,30
	KT dựng phi tuyến		2,00
	KT ghi hình 6 cam		17,25
134	**Trò chơi truyền hình đặc biệt loại 1 (45' - 60')**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		16,51
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		2,50
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim trường quay		5,20
	Tổ chức sản xuất		7,50
	Trợ lý biên tập		7,00
	Trợ lý đạo diễn		2,62
	Trợ lý trường quay		4,50
	Kỹ thuật		
	KT dựng phi tuyến		3,00
	KT hòa âm		1,50
	KT máy lưu động		1,00
	KT Qquay		9,00
135	**Dạy hát thiếu nhi**	**20'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,50
	Đạo diễn chương trình		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim trường quay		3,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		1,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
	Kỹ thuật thu thanh		1,50
136	**Dạy ngoại ngữ**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,50
	Biên tập máy lẻ		0,50
	Đạo diễn chương trình		1,50
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim máy lẻ		0,50
	Quay phim trường quay		0,50
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý trường quay		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		0,50
	Kỹ thuật trường quay		2,25
137	**Dạy tiếng nước ngoài qua bài hát**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,00
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Quay phim trường quay		3,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		1,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật trường quay		6,00
	Kỹ thuật thu thanh		3,00
138	**Giáo dục kiến thức phổ thông 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,16
	Đạo diễn chương trình		0,99
	Đạo diễn hình		0,50
	Quay phim trường quay		1,50
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý biên tập		0,50
	Trợ lý đạo diễn		0,50
	Trợ lý trường quay		0,50
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật trường quay		3,00
VI	**TƯỜNG THUẬT**		
139	**Điểm cầu chính truyền hình 45' - 90'**	**45' - 90'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		9,20
	Biên tập máy lẻ		2,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		4,70

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn hình		2,11
	Quay phim máy lẻ		2,00
	Quay phim trường quay		5,00
	Tổ chức sản xuất		6,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		2,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		8,00
140	**Điểm cầu chính truyền hình loại 1 (90' - 180') TQ**	**90' - 180'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		12,11
	Biên tập máy lẻ		3,50
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		5,00
	Đạo diễn hình		3,00
	Quay phim máy lẻ		3,50
	Quay phim trường quay		8,00
	Tổ chức sản xuất		10,50
	Trợ lý biên tập		4,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,50
	Kỹ thuât dựng phi tuyến		1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật máy lưu động		3,50
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		16,00
141	**Điểm cầu chính truyền hình L2 90' - 180' TQ**	**90' - 180'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		9,49
	Biên tập máy lẻ		3,00
	Chủ nhiệm		3,00
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		3,00
	Quay phim máy lẻ		3,00
	Quay phim trường quay		8,00
	Tổ chức sản xuất		7,50
	Trợ lý biên tập		4,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,30
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,50
	Kỹ thuật máy lưu động		3,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		16,00
142	**Điểm cầu chính truyền hình loại > 180' TQ**	**180'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		15,22
	Biên tập máy lẻ		3,50
	Chủ nhiệm		5,00
	Đạo diễn chương trình		7,50
	Đạo diễn hình		3,50
	Quay phim máy lẻ		3,50
	Quay phim trường quay		8,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Tổ chức sản xuất		12,00
	Trợ lý biên tập		3,00
	Trợ lý đạo diễn		3,00
	Trợ lý trường quay		4,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,50
	Kỹ thuật dựng phi truyến		1,00
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		1,00
	Kỹ thuật máy lưu động		3,50
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		16,00
143	**Điểm cầu phụ loại 1 Trường quay**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		6,70
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim trường quay		6,00
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,50
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		9,00
144	**Điểm cầu phụ loại 1 - xe màu**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,51
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		2,00
	Đạo diễn chương trình		3,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim xe màu		10,00
	Tổ chức sản xuất		5,00
	Trợ lý biên tập		2,00
	Trợ lý đạo diễn		2,00
	Trợ lý hiện trường		4,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,50
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		34,00
145	**Điểm cầu phụ loại 2 Trường quay**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,60
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		1,50
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim trường quay		4,80
	Tổ chức sản xuất		3,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý trường quay		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,40
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật trường quay chủ cầu		7,20
146	**Điểm cầu phụ loại 2 - xe màu**	**45'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,60
	Biên tập máy lẻ		1,00
	Chủ nhiệm		1,50
	Đạo diễn chương trình		2,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim máy lẻ		1,00
	Quay phim xe màu		7,50
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		3,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,20
	Kỹ thuật dựng tuyến tính		0,40
	Kỹ thuật máy lưu động		1,00
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		25,50
147	**Tường thuật ghi băng Quốc hội**	**10'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,86

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim xe màu		3,20
	Tổ chức sản xuất		0,60
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		1,00
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT ghi hình 6 cam		9,20
148	**Tường thuật ghi băng chính luận**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,92
	Đạo diễn chương trình		1,50
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất		0,65
	Trợ lý đạo diễn		0,10
	Trợ lý TCSX		1,50
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,30
	KT ghi hình 6 cam		1,50
149	**Tường thuật thể thao ghi băng 30' - 60'**	**30' - 60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,36
	Bình luận viên		0,50
	Đạo diễn chương trình		1,20
	Đạo diễn hình		1,40
	Quay phim xe màu		3,20
	Tổ chức sản xuất		1,50

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		7,50
150	**Tường thuật thể thao ghi băng 60' - 120'**	**60' - 120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,17
	Bình luận viên		0,70
	Đạo diễn chương trình		1,20
	Đạo diễn hình		1,50
	Quay phim xe màu		4,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		7,50
151	**Tường thuật thể thao ghi băng trên 120'**	**120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,27
	Bình luận viên		0,80
	Đạo diễn chương trình		1,50
	Đạo diễn hình		1,70
	Quay phim xe màu		5,20
	Tổ chức sản xuất		2,50
	Trợ lý đạo diễn		1,20
	Trợ lý hiện trường		2,40

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,14
	KT dựng tuyến tính		1,00
	KT ghi hình 3 - 4 cam		11,00
152	**Tường thuật ca nhạc ghi băng 30'**	**30'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,30
	Chủ nhiệm		0,73
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		0,80
	Quay phim xe màu		3,20
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý đạo diễn		0,80
	Trợ lý hiện trường		0,80
	Kỹ thuật		
	KT dựng tuyến tính		0,50
	KT ghi hình 3 - 4 cam		6,00
153	**Tường thuật ca nhạc ghi băng 60'**	**60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,92
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		1,00
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		1,50
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		1,00
	Kỹ thuật		
	KT đọc		0,14

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	KT dựng tuyến tính		0,50
	KT ghi hình 3 - 4 cam		11,50
154	**Tường thuật TTQH dưới 120'**	**119'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,03
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Đạo diễn hình		1,70
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		0,99
	Kỹ thuật		
	KT trực tiếp 6 cam		19,00
155	**Tường thuật TTQH trên 120'**	**121'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,60
	Đạo diễn chương trình		1,70
	Đạo diễn hình		1,87
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		1,50
	Trợ lý biên tập		1,01
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		1,00
	Kỹ thuật		
	KT trực tiếp 6 cam		19,00
156	**Tường thuật trực tiếp chính luận**	**90'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		4,06

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Đạo diễn chương trình		3,35
	Đạo diễn hình		1,58
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		1,50
	Trợ lý biên tập		1,01
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		1,00
	Kỹ thuật		
	KT trực tiếp 6 cam		19,00
157	**Tường thuật trực tiếp sự kiện**	**90'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,20
	Đạo diễn chương trình		4,00
	Đạo diễn hình		2,50
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		3,00
	Trợ lý biên tập		1,20
	Trợ lý đạo diễn hình		1,20
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		19,00
158	**Tường thuật TT lễ hội**	**90'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		5,71
	Đạo diễn chương trình		4,50
	Đạo diễn hình		2,80
	Quay phim xe màu		12,00
	Tổ chức sản xuất		3,30
	Trợ lý biên tập		1,20
	Trợ lý đạo diễn		1,20
	Trợ lý hiện trường		4,00

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trực tiếp 6 cam		38,00
159	**Tường thuật thể thao TT qua vệ tinh**	**100'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		2,26
	Biên dịch		0,50
	Bình luận viên		1,00
	Đạo diễn chương trình		1,00
	Trợ lý biên tập		1,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật đọc		0,40
160	**Tường thuật TT thể thao 30' - 60' (dưới 4 - 5 cam)**	**30' - 60'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		0,84
	Bình luận viên		0,50
	Đạo diễn chương trình		1,20
	Đạo diễn hình		1,20
	Quay phim xe màu		4,40
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		2,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		17,00
161	**Tường thuật TT thể thao 60' - 120'**	**60' - 120'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,43
	Bình luận viên		0,60
	Đạo diễn chương trình		1,30
	Đạo diễn hình		1,20
	Quay phim xe màu		4,80
	Tổ chức sản xuất		1,75

Mục	Tên thể loại sản phẩm	Thời lượng	Ngày công
	Trợ lý đạo diễn		1,30
	Trợ lý hiện trường		2,40
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		22,10
162	**Tường thuật TT thể thao trên 120'**	**121'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		1,52
	Bình luận viên		0,70
	Đạo diễn chương trình		1,50
	Đạo diễn hình		1,50
	Quay phim xe màu		6,00
	Tổ chức sản xuất		2,00
	Trợ lý đạo diễn		1,41
	Trợ lý hiện trường		2,98
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật trực tiếp 5 cam		25,50
163	**Tường thuật TT ca nhạc**	**121'**	
	Nội dung		
	Biên tập chương trình		3,43
	Chủ nhiệm		1,00
	Đạo diễn chương trình		2,50
	Đạo diễn hình		1,58
	Quay phim xe màu		9,00
	Tổ chức sản xuất		1,00
	Trợ lý biên tập		1,01
	Trợ lý đạo diễn		1,00
	Trợ lý hiện trường		1,00
	Kỹ thuật		
	Kỹ thuật ghi hình 6 cam		17,25

(Xem tiếp Công báo số 77 + 78)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng